TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**;

2. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

- **Thư ký phiên tòa**: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà*:* Ông **Ngô Thành Khánh Duy** - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ A**, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đào Quốc B**, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, Huyện X, Tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Lệ A trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Đào quốc B tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/03/2020.

Trong quá trình sống chung, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ giữa năm 2022, do bất đồng quan điểm. Anh B không thường xuyên ở nhà, không phụ giúp chị chăm lo cho con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh B vẫn không thay đổi. Anh chị sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay tình cảm

không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đào Quốc B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đào Quốc C, sinh ngày 29/10/2020, hiện đang sống cùng chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Quốc C, không yêu cầu anh Đào Quốc B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, theo Bản tự khai ngày 11/3/2024, anh Đào Quốc B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Lệ A về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đào Quốc C, sinh ngày 29/10/2020, hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị Lệ A. Khi ly hôn, anh Đào Quốc B đồng ý giao cháu Đào Quốc C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Nguyễn Thị Lệ A và anh Đào Quốc B có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay nên việc chị Nguyễn Thị Lệ A yêu cầu ly hôn với anh Đào Quốc B, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Quốc C, không yêu cầu anh Đào Quốc B phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có, là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, anh Đào Quốc B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ A và anh Đào Quốc B là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Lệ A trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện. Anh chị sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Lệ A yêu cầu được ly hôn anh Đào Quốc B.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh Đào Quốc B có bản tự khai ngày 11/3/2024, xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ A.

Do đó, việc chị Nguyễn Thị Lệ A yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Đào Quốc C, sinh ngày 29/10/2020 hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị Lệ A. Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Quốc C, không yêu cầu anh Đào Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, anh B cũng thống nhất với với chị A về vấn đề con chung.

Xét cháu Đào Quốc C hiện đang do chị A nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị A yêu cầu nuôi cháu Đào Quốc C, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lệ A và anh Đào Quốc B thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lệ A và anh Đào Quốc B thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ A được ly hôn với anh Đào Quốc B.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Đào Quốc C, sinh ngày 29/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Đào Quốc B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đào Quốc B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0026382 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Lệ A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; anh Đào Quốc B có quyền kháng cáo bản án sơ

thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh